

Gốm cổ tìm thấy ở SÔNG ĐỒNG NAI

TS. NGUYỄN THỊ HẬU*

Nói đến miền đất Gia Định không thể không chú ý đến vai trò của con sông Đồng Nai, nhất là trong giai đoạn thế kỷ XVI đến thế kỷ XIX. Cho đến trước lúc này, Gia Định vẫn là một vùng đất hoang sơ, hầu như chưa được khai phá, là nơi cư trú lâu đời của một số tộc người bản địa như Mạ, Stiêng, Koho, Mnông..., nhưng dân cư thưa thớt, chủ yếu ở vùng thượng lưu sông Đồng Nai, với phương thức kinh tế nương rẫy và kỹ thuật sản xuất thô sơ. Cuộc sống ở đây chỉ thực sự trở nên sôi động với sự xuất hiện của những lớp cư dân mới - những người Việt từ vùng Thuận - Quảng và sau đó, là những người Hoa "Bà Thanh Phục Minh", đến cư trú và khai thác vùng đất màu mỡ dọc đôi bờ trung hạ lưu sông Đồng Nai. Phần đông lưu dân đi cư một cách tự phát, họ tổ chức thành từng nhóm một vài gia đình hoặc cử những người khỏe mạnh đi trước đến vùng đất mới, tạo dựng cơ sở rồi đón gia đình vào sau. Phương tiện lưu chuyển chính là ghe - thuyền, bởi lúc bấy giờ, việc đi lại từ miền Trung vào Gia Định chủ yếu bằng đường biển. Cũng có những người không có ghe thuyền, đành chấp nhận mạo hiểm trèo đèo lội suối, đi bằng

đường bộ, có khi ở lại một nơi nào đó, hoặc tiếp tục tìm đến vùng đất mới Đồng Nai. Trải qua quá trình lâu dài và rất gian nan, công cuộc Nam tiến ngày càng trở nên mạnh mẽ, quy mô hơn, nhất là sau khi các chúa Nguyễn thiết lập nền hành chính ở đất Gia Định vào năm 1698. Câu ca dao: "Nhà Bè nước chảy chia hai, Ai về Gia Định Đồng Nai thì về" đã cho chúng ta hình dung về con đường đi đến vùng đất mới là từ cửa Cần Giờ theo thủy triều ngược sông Đồng Nai đến ngã ba Nhà Bè, hoặc theo sông Sài Gòn, hoặc theo sông Đồng Nai, các thế hệ lưu dân định cư từ các giồng đất cao ven sông, cù lao giữa sông, rồi tiến dần khai phá vùng bán sơn địa. Không chỉ phát triển nông nghiệp, lưu dân còn phát triển các nghề thủ công và thương nghiệp. Chứng tích của cuộc sống sôi động này phần nào đã được phản ánh qua những đồ gốm cổ tìm thấy ở sông Đồng Nai.

Những đồ gốm này bao gồm các chất liệu: đất nung, sành, gốm có men nâu, men ngọc, phong phú về loại hình và kiểu dáng. Dựa vào chức năng có thể phân ra làm 3 nhóm đồ vật:

- Dụng cụ đun nấu ăn uống: Hiện vật thuộc nhóm này chiếm số lượng nhiều nhất, chất liệu đều là đất nung; xương gốm - từ loại mỏng mịn đến thô dày, có các màu nâu đỏ, xám, xám đen; gồm các loại hình nồi, âu liễn, bát, cốc (?),

chậu (vì), ấm nấu nước, ống đũa(?), cối.
 - Đồ dùng sinh hoạt: Ngoài chất liệu đất nung còn có gốm có men (nâu, trắng ngà, men ngọc), nói chung là gốm mịn, nhưng chắc nặng, gồm các loại hình đèn gốm, bình vôi, ống nhỏ, ấm trà, bát nhang, các kiểu bình, lọ...

- Các loại đồ đựng: Vô cùng đa dạng và có rất nhiều loại kích thước. Chất liệu đa phần là gốm chắc, sành, hầu hết có men nâu nhưng bị tróc men, được chế tạo bằng dải cuộn - bàn xoay là chính. Nhiều loại hình được trang trí hoa văn. Có các loại hình chính: bình, vò, hũ, ché, khay, chai...

Những đồ gốm tìm thấy ở sông Đồng Nai rất phong phú và đa dạng, cả về loại hình, nguồn gốc và niên đại. Phần lớn đồ vật còn khá nguyên vẹn.

Đầu tiên phải kể đến sự có mặt hầu hết các vật dụng bằng gốm cần thiết cho sinh hoạt hàng ngày của người dân: từ đồ đun nấu ăn uống, các đồ dùng khác tới những loại bình, hũ ché... để chứa đựng. Loại hình và chất lượng khá bình dân. Trừ một số ít đồ đun nấu có dấu vết sử dụng, còn lại đều là đồ mới, chứng tỏ đây là những sản phẩm hàng hoá trên đường lưu chuyển.

Nhìn chung, các đồ gốm này được sản xuất bằng các phương pháp sau đây:

- **Nặn tay bằng dải cuộn:** là phương pháp chủ yếu để chế tạo dụng cụ đun nấu ăn uống và một số đồ dùng khác như: đèn 2 đĩa bằng đất nung, ấm nấu nước, một số kiểu nắp nồi... Phần lớn các loại hũ, ghè, bình (kích thước nhỏ) cũng được chế tạo bằng phương pháp này. Dấu vết dải cuộn còn để lại ở mặt trong của hiện vật, mặt ngoài được gắn miết khá kỹ và có lớp áo gốm láng, mịn. Những loại hình có đáy bằng thường để lại dấu vết cắt đáy bằng dây (để lấy sản phẩm ra khỏi bàn kê).

- **Nặn tay bằng khối đất:** chỉ thấy ở một vài loại hình hoặc ở các bộ phận nhỏ rời (núm cầm, tai, quai...). Mặt trong đồ vật còn dấu hằn kê hoặc ngón tay, bên ngoài cũng được miết khá láng. Phương pháp này làm cho đồ gốm tương đối mỏng (trừ một số nồi đất bằng gốm thô rất dày nặng).

- **Phương pháp in ấn:** sử dụng khuôn in kết hợp tay ấn bên trong. Có khuôn một phần của sản phẩm (nửa dưới đáy của nồi gốm thô - nửa trên với cổ và miệng được nặn tay rồi gắn chặt vào nửa dưới) hoặc khuôn 2 mang, dấu ghép khuôn để lại khá rõ (ghép dọc thân nồi gốm thô hoặc ghép ngang thân siêu nấu nước).

- **Dải cuộn kết hợp bàn xoay:** đa số các kiểu bình, ché, hũ... kích thước lớn được chế tạo bằng phương pháp này.

- **Gắn chặt:** dùng để gắn miết các phần của hiện vật, đắp thêm chân đế hay một số chi tiết trang trí (núm hình ốc, tai bướm, núm cầm, quai...).

- **Hoạ văn:** hầu hết là hoạ văn in ấn (theo khuôn), ấn răng lược hay kẻ khuôn nhạc ở vai hiện vật, khắc chìm hay đắp nổi. Một số loại hình có men (bình vôi, hộp), có hoạ văn vẽ dưới men.

- Ngoài ra, một số hiện vật (đồ đựng): thấy có lỗ khoan nhỏ ở giữa đáy hoặc bên thân gần sát đáy. Dấu khoan trước khi nung, chưa rõ chức năng.

Khảo sát về loại hình và kỹ thuật đã cho biết, phần lớn những dụng cụ đun nấu ăn uống, sinh hoạt... có nguồn gốc gốm Việt (nồi đất, nồi kiêu, nồi đồng, ấm nấu nước, bình vôi, bát,...); gốm hoa (siêu nấu nước, nồi tay cầm, đèn gốm, nhiều kiểu hũ, bình); gốm Chăm (nồi, tráp, đĩa, ghè ống, bình vôi có núm cầm...). Hầu hết có niên đại khoảng thế kỷ XVII - XVIII (số ít có niên đại sớm hơn: thế kỷ XV-XVI, như bình vôi men ngọc, muôn hơn như đèn gốm men trắng có quai treo, cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX).

Kết quả các đợt điền dã ở khu vực Cù Lao Phố - Đồng Nai cho biết, hầu hết các loại hình đồ gốm trên là sản phẩm của các lò gốm dọc Rạch Lò Gốm trên Cù Lao Phố. Khoảng cuối thế kỷ XVII đến cuối thế kỷ XVIII, nơi đây đã là một cảng thị sầm uất, vừa phát triển hoạt động thương mại, đồng thời vừa là trung tâm sản xuất đồ gốm, dệt chiếu, rèn đồ sắt... Kỹ thuật sản xuất gốm ở đây là sự phối hợp và phát triển kỹ thuật làm gốm của người Chăm, người Việt với truyền thống kỹ thuật làm gốm Nam Trung Quốc (Quảng Đông, Phước Kiến) mà lưu dân người Hoa mang vào từ khoảng nửa sau thế kỷ XVII. "*Các lò gốm của người Chăm, người Việt, người Hoa ra đời trước năm 1698 (thời điểm thành lập phủ Gia Định) đều tập trung ở quanh một con rạch thuộc xã Hiệp Hoà hiện nay nên có tên là Rạch Lò Gốm. Giai đoạn 1698 - 1776, dinh Trấn Biên được thành lập, gốm sản xuất ở địa phương còn gọi là gốm Trấn Biên chính yếu là gốm Cù Lao Phố*"(1). Tất nhiên trong sưu tập còn có những đồ dùng mà người Việt, người Hoa mang theo từ quê hương vào vùng đất mới trong buổi đầu khai phá.

Ngoài những hiện vật trên, một số bình vôi sành tìm thấy ở sông Đồng Nai rất giống loại

hình bình vôi được tìm thấy trong cuộc khai quật khu lò sản xuất đồ sành ở Mỹ Xuyên (xã Phong Hoà, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên - Huế, khai quật 1993)(2). Đây là di tích lò gốm chuyên sản xuất nhiều loại đồ sành như hũ, ghè, bình vôi. Dựa vào kỹ thuật, những người khai quật cho rằng, có nhiều khả năng chủ nhân khu lò gốm sành Mỹ Xuyên là người Việt, những sản phẩm có nhiều loại hình gốm Việt, gốm Chăm, niên đại khoảng thế kỷ XVII - XVIII. Phải chăng, một phần trong số những sản phẩm ấy đã theo chân những đoàn lưu dân Ngũ Quảng vào vùng đất Đồng Nai?

Các loại đồ đựng như bình hình con tiện, bình củ tỏi, vò gốm men nâu (mặt cắt ô van)... là gốm Khmer, niên đại thế kỷ XI-XII, gốm Thái Lan thế kỷ XIV-XV có hộp men ngọc, các kiểu hũ cổ thắt có quai nhỏ trên vai... Chắc hẳn những sản phẩm gốm này được du nhập vào lưu vực Đồng Nai giai đoạn cuối thế kỷ XII-XIII khi vương triều Angkor hưng thịnh và giai đoạn Thái Lan phát triển vào thế kỷ XIV-XV. Thời kỳ này, gốm Khmer và gốm Thái Lan được xuất cảng rộng rãi đến vùng hạ lưu sông Đồng Nai, lưu vực sông Mê Kông, bán đảo Malaixia và đến tận vùng Indonexia...(3).

Cổ vật tìm thấy trong lòng sông Đồng Nai không có đồ gốm (chiếm số lượng nhiều nhất) mà còn có đồ đá (bàn nghiền, chày nghiền, tượng thần, phù điêu, cá riêu đá mài...), đồ đồng (riêu, qua đồng, nồi đồng)... Số lượng cổ vật có nguồn gốc từ sông Đồng Nai mà một số Bảo tàng đang lưu giữ chỉ chiếm một phần nhỏ so với số lượng cổ vật hiện còn nằm trong lòng sông. Tuy vậy, qua bước đầu nghiên cứu những cổ vật này, chúng ta cũng phần nào hình dung được cuộc sống của cư dân cổ nơi đây qua các giai đoạn lịch sử.

Từ thời tiền sử, đôi bờ Đồng Nai, từ Cù Lao Rùa (Bình Dương) xuống đến vùng cận biển Cái Vạng, Cá Lăng (Đồng Nai), Bung Bạc, Bung Thơm (Bà Rịa-Vũng Tàu) và vùng cửa biển Cần Giờ (thành phố Hồ Chí Minh), dày đặc các di tích khảo cổ học tiền-sơ sử. Sau thời kỳ của văn hoá Óc Eo (thế kỷ I - VII), lưu vực Đồng Nai là địa bàn của tiểu vương quốc Châu Mạ - dọc sông Đồng Nai, từ thượng đến hạ lưu. Tiểu vương quốc này hình thành và phát triển từ khoảng thế kỷ V-X và tồn tại đến sau này. Vì là tiểu quốc nằm giữa Chân Lạp và Chăm Pa nên chịu ảnh hưởng văn hoá của cả hai vương quốc này, song nó vẫn có sắc thái riêng của mình. Khu di tích Nam Cát Tiên (Đồng Nai Thượng)

có niên đại (thế kỷ VIII - thế kỷ X) (4) và những di tích, di vật tìm thấy tại vùng hạ lưu sông Đồng Nai, niên đại thế kỷ X-XIV "mang đặc điểm vùng đê, ít chịu ảnh hưởng của Angkor cũng như của Champa, truyền thống văn hoá hậu Óc Eo tiếp tục tồn tại"(5). Từ sau thế kỷ XIV, cả vùng đất Nam Bộ đã trở nên hoang sơ (ghi chép của Châu Đạt Quan)..., cho đến thế kỷ XVI-XVII lưu dân người Việt, người Hoa vào khai khẩn, lập nên Cù Lao Phố sầm uất, là trung tâm của vùng đất mới khai phá. Thực chất Cù Lao Phố là cảng sông sâu trong nội địa, vì vậy khi công cuộc khẩn hoang được mở rộng về miền Tây, thì Cù Lao Phố đã dần mất đi vai trò của mình, đồng thời đẩy nhanh sự phát triển của Bến Nghé - Sài Gòn. Cảng Bến Nghé với hệ thống kênh rạch chằng chịt ngày càng tỏ rõ vai trò trung tâm thông thương giữa các miền Đồng Nai - Vàm Cỏ - Cửu Long với nhau và với bên ngoài qua cửa biển Cần Giờ. Cảng thị Bến Nghé - Sài Gòn hình thành và ngày càng phát triển, cho đến nay vẫn là một trung tâm kinh tế - văn hoá của khu vực và cả nước.

Nghiên cứu lịch sử - văn hoá - xã hội vùng đất Nam Bộ, không thể không chú ý yếu tố địa lý - văn hoá của sông Đồng Nai. "Khảo cổ học lòng sông Đồng Nai", do đó, là yêu cầu được đặt ra trước mắt, vì những cổ vật tìm thấy ở đây có giá trị lịch sử - văn hoá không thua kém bất cứ cổ vật nào đã được "khảo cổ học dưới nước" tìm thấy ở vùng biển Việt Nam trong những năm qua (6).

N.T.H

Chú thích:

1) Trần Hiếu Thuận: Có một "đời sống văn hoá gốm" ở Biên Hoà, Tạp chí Văn hoá Nghệ thuật số 5/1997, tr.40.

2) Báo cáo sơ bộ kết quả điều tra và khai quật khu sản xuất đồ sành thôn Mỹ Xuyên, xã Phong Hoà, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên-Huế. Tư liệu thư viện Viện Khảo cổ học - Hà Nội.

3) *Biên Hoà - Đồng Nai 300 năm hình thành và phát triển*, Nxb. Đồng Nai, 1998, tr.62.

4) Trần Quốc Vương: "Về nền tảng văn hoá dân gian ở vùng Đông Nam Bộ", Việt Nam cái nhìn địa - văn hoá, Nxb Văn hoá dân tộc, H.1998, tr. 455-464.

5) Lê Xuân Diệm: *Biên Hoà - Đồng Nai trước thời khai phá của cộng đồng người Việt*. Tạp chí Văn hoá Nghệ thuật số 11/1998. Tr 41.

6) Tại toạ độ X (Bà Rịa-Vũng Tàu) năm 1993; toạ độ Y (Kiên Giang) năm 1993; Cù Lao Chàm (Quảng Nam) năm 1998; vùng biển Cà Mau năm 2000. Gốm cổ tìm thấy ở Sông đồng Nai